

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/KDTM-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH chuyển phát nhanh D; trụ sở: Số D, Phường B, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1959; địa chỉ: xã T, huyện M, Thành phố H – là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020), có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH May X; trụ sở: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Kim X, sinh năm 1960; Nơi đăng ký HKTT: Số B, Đ, Phường C, Quận T, Thành phố H; chỗ ở hiện tại: phường C, Quận G, Thành phố H – là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Công ty TNHH chuyển phát nhanh D trình bày:

Công ty TNHH chuyển phát nhanh D (nguyên đơn) thỏa thuận cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh cho Công ty TNHH May X (bị đơn). Hai bên đã thỏa thuận bằng việc bị đơn đã ký với nguyên đơn Đơn đăng ký mở tài khoản DHL, theo đó, nguyên đơn đã mở một tài khoản DHL cho bị đơn vào ngày 09/3/2017. Mục đích của việc mở tài khoản tương đương với việc hai bên đã ký hợp đồng dịch vụ chuyển phát nhanh, sau khi mở thành công tài khoản này cho bị đơn thì nguyên đơn nhận cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh trả sau cho bị đơn, việc tính giá cước tại đơn đăng ký mở tài khoản DHL, theo đó, giá cước vận chuyển được đăng trên trang Web của nguyên đơn, giá cước thay đổi theo từng thời kỳ. Khách hàng sử dụng dịch vụ phải theo dõi lô hàng của mình đang đi đến đâu và giá cước như thế nào.

Nguyên đơn bắt đầu nhận cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh cho bị đơn từ ngày 07/6/2017 đến ngày 09/8/2017 (nhận chuyển hàng đi và chuyển hàng nơi khác gửi đến cho bị đơn) với tổng số tiền cước vận chuyển là 265.248.637 đồng. Riêng ngày 07/6/2017 đến ngày 21/6/2017: Vận chuyển hàng đi cho bị đơn, cước phí hết 102.355.759 đồng, cước phí này cao vì nguyên đơn nhận đóng phí hải quan cho khách hàng, nội dung này có được thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi vận chuyển thành công các đơn hàng nguyên đơn đều xuất hóa đơn Giá trị gia tăng cho bị đơn, vì là hóa đơn điện tử nên nguyên đơn đã gửi qua Email của bị đơn. Theo đó các hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn đã xuất và gửi cho bị đơn bao gồm:

- Hóa đơn số 0006751 ngày 07/6/2017 số tiền 192.355.759 đồng.
- Hóa đơn số 0009336 ngày 14/6/2017 số tiền 1.978.967 đồng.
- Hóa đơn số 0012012 ngày 21/6/2017 số tiền 14.597.515 đồng.
- Hóa đơn số 0001090 ngày 30/6/2017 số tiền 14.339.714 đồng.
- Hóa đơn số 0001091 ngày 30/6/2017 số tiền 1.291.520 đồng.
- Hóa đơn số 0004503 ngày 12/7/2017 số tiền 9.206.463 đồng.
- Hóa đơn số 0004504 ngày 12/7/2017 số tiền 2.009.676 đồng.
- Hóa đơn số 0007663 ngày 19/7/2017 số tiền 8.179.277 đồng.
- Hóa đơn số 0007664 ngày 19/7/2017 số tiền 7.125.323 đồng.
- Hóa đơn số 0010628 ngày 26/7/2017 số tiền 6.825.859 đồng.
- Hóa đơn số 0013716 ngày 31/7/2017 số tiền 1.582.866 đồng.
- Hóa đơn số 0016639 ngày 09/8/2017 số tiền 5.755.698 đồng.
- Hóa đơn số 0019499 ngày 16/8/2017 số tiền 6.926.535 đồng.
- Hóa đơn số 000022287 ngày 23/8/2017 số tiền 1.410.016 đồng.

Bị đơn đã nhận toàn bộ số hóa đơn này. Kể từ ngày nguyên đơn nhận cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh cho bị đơn thì bị đơn có thanh toán cước phí vận chuyển cho nguyên đơn một số đơn hàng vận chuyển, còn lại chưa thanh toán. Hai bên đã đối chiếu công nợ theo bảng ghi nhớ ngày 09/8/2017 (có đóng dấu treo và xác nhận của bên bị đơn) với số tiền bị đơn còn nợ tính đến ngày 31/7/2017 là 259.492.939 đồng. Căn cứ theo bảng ghi nhớ này Công ty TNHH May X đã thanh toán được thêm số tiền 89.970.000 đồng vào tháng 8 năm 2017 theo tiến độ thanh toán, số tiền cước gốc còn nợ: 183.585.188 đồng. Ngoài bảng ghi nhớ này hai bên không ký bất cứ văn bản đối chiếu công nợ nào khác. Ngày 09/8/2017 nguyên đơn đã có văn bản gửi bị đơn tạm dừng tài khoản ghi nợ, các tài khoản của bị đơn bị khóa, nguyên đơn không nhận tiếp tục nhận cung cấp dịch vụ cho bị đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc bị đơn thanh toán nhưng bị đơn chưa thanh toán. Nguyên đơn đã thông báo chuyển ghi nhớ nợ quá hạn đối với bị đơn. Số tiền bị đơn còn nợ không bao gồm các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/8/2017, 16/8/2017 và 23/8/2017 phát sinh sau ngày ký bảng đối chiếu công nợ.

Việc bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ gốc là 183. 585.188 đồng, không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn nêu trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi ý kiến về số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 75.877.751 đồng, còn nợ nguyên đơn số tiền 183. 585.188 đồng, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đơn đăng ký mở tài khoản DHL; bảng ghi nhớ; bảng đối chiếu công nợ; các hóa đơn Giá trị gia tăng nêu trên và các giấy tờ khác có liên quan.

Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ 183.585.188 đồng do nguyên đơn thực hiện dịch vụ chuyển phát nhanh cho bị đơn, không yêu cầu thanh toán tiền lãi. Xét thấy, quá trình tố tụng bị đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn cung cấp bảng đối chiếu công nợ ngày 09/8/2017 theo bảng ghi nhớ ngày 09/8/2017 có đóng dấu treo của Công ty TNHH May X, căn cứ theo bảng đối chiếu công nợ này thì Công ty TNHH May X xác nhận công nợ đến ngày 31/7/2017 số tiền là 259.492.939 đồng. Ngoài bảng ghi nhớ này hai bên không ký bất cứ văn bản đối chiếu công nợ nào khác.

Theo các hóa đơn giá trị gia tăng và bảng đối chiếu công nợ ngày 07/11/2017 mà nguyên đơn cung cấp thì sau khi bị đơn ký bảng đối chiếu công nợ ngày đến ngày 31/7/2017 thì bị đơn còn sử dụng dịch vụ của nguyên đơn vào các ngày 09/8/2017, 16/7/2017 và 23/8/2017 với tổng số tiền dịch vụ là 14.092.249 đồng. Tuy nhiên bảng đối chiếu ngày 07/11/2017 trong đó bao gồm các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/8/2017, 16/8/2017 và 23/8/2017 chỉ có chữ ký của nguyên đơn mà không có chữ ký xác nhận của bị đơn. Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện việc bị đơn có sử dụng dịch vụ của nguyên đơn vào các ngày 09/8/2017, 16/8/2017 và 23/8/2017; trong khi vào ngày 09/8/2017, nguyên đơn đã có văn bản gửi bị đơn với nội dung tạm dừng tài khoản ghi nợ, các tài khoản của bị đơn đã bị khóa (bút lục 78). Do đó không có cơ sở chấp nhận đối với số tiền dịch vụ vào các ngày 09/8/2017, 16/8/2017 và 23/8/2017 là 14.092.249 đồng.

Đối với số tiền theo bảng đối chiếu công nợ ngày 09/8/2017 theo bảng ghi nhớ ngày 09/8/2017 có đóng dấu treo của Công ty TNHH May X thì số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 259.492.939 đồng. Nguyên đơn xác nhận từ sau khi ký đối chiếu công nợ ngày 09/8/2017 đến nay thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 89.970.000 đồng, do đó số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 169.522.939 đồng. Mặc dù trong phần trình bày bổ sung nguyên đơn xác định số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 75.877.751 đồng, tuy nhiên lời trình bày này không thống nhất với lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như trong quá trình hỏi đáp trước khi nghị án. Đồng thời về số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn chỉ là lời trình bày của nguyên đơn, không có tài liệu, chứng cứ để xác định việc thay đổi lời khai của nguyên đơn là đúng do đó việc thay đổi này không phù hợp với nội dung trình bày của nguyên đơn trước đây nên không có cơ sở để chấp nhận. Từ những trình bày trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 169.522.939 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH May X theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179, 196, 208, 220 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại

Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty TNHH chuyển phát nhanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH May X thanh toán số tiền còn nợ do nguyên đơn cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh cho bị đơn nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

Căn cứ theo đơn khởi kiện, biên bản xác minh ngày 28/10/2020, Công văn số 1424/ĐKKD ngày 26/10/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty TNHH May X có trụ sở tại khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 183.585.188 đồng, không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình tố tụng bị đơn không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến nên được xem là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chứng cứ Tòa án thu thập để xem xét giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp Đơn đăng ký mở tài khoản DHL được ký ngày 09/3/2017; bảng ghi nhớ xác nhận công nợ ngày 09/8/2017; các hóa đơn Giá trị gia tăng bao gồm: Hóa đơn số 0006751 ngày 07/6/2017 số tiền 192.355.759 đồng; Hóa đơn số 0009336 ngày 14/6/2017 số tiền 1.978.967 đồng; Hóa đơn số 0012012 ngày 21/6/2017 số tiền 14.597.515 đồng; Hóa đơn số 0001090 ngày 30/6/2017 số tiền 14.339.714 đồng; Hóa đơn số 0001091 ngày 30/6/2017 số tiền 1.291.520 đồng; Hóa đơn số 0004503 ngày 12/7/2017 số tiền 9.206.463 đồng; Hóa đơn số 0004504 ngày 12/7/2017 số tiền 2.009.676 đồng; Hóa đơn số 0007663 ngày 19/7/2017 số tiền 8.179.277 đồng; Hóa đơn số 0007664 ngày 19/7/2017 số tiền 7.125.323 đồng; Hóa đơn số 0010628 ngày 26/7/2017 số tiền 6.825.859 đồng; Hóa đơn số 0013716 ngày 31/7/2017 số tiền 1.582.866 đồng; Hóa đơn số 0016639 ngày 09/8/2017 số tiền 5.755.698 đồng; Hóa đơn số 0019499 ngày 16/8/2017 số tiền 6.926.535 đồng; Hóa đơn số 000022287 ngày 23/8/2017 số tiền 1.410.016 đồng.

Như vậy có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập thỏa thuận dịch vụ chuyển phát nhanh theo quy định tại Điều 74 Luật Kinh doanh thương mại, theo đó, nguyên đơn cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh các đơn

hàng cho bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo thỏa thuận của hai bên đối với bị đơn, đã nhận chuyển các đơn hàng mà bị đơn yêu cầu và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi cho bị đơn. Quá trình tố tụng nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán một phần phí dịch vụ cho nguyên đơn số tiền 89.970.000 đồng, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 183.585.188 đồng chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của khách hàng quy định tại Điều 75, 85 của Luật Thương mại năm 2005, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại bảng đối chiếu công nợ ngày 07/11/2017 mà nguyên đơn cung cấp với tổng số tiền nợ là 183.585.188 đồng trong đó bao gồm cả các Hóa đơn số 0016639 ngày 09/8/2017 số tiền 5.755.698 đồng; Hóa đơn số 0019499 ngày 16/8/2017 số tiền 6.926.535 đồng; Hóa đơn số 000022287 ngày 23/8/2017 số tiền 1.410.016 đồng, tổng số tiền dịch vụ là 14.092.249 đồng, bảng đối chiếu công nợ này chỉ là tài liệu do nguyên đơn cung cấp, chưa được xác nhận công nợ của bên bị đơn. Mặt khác, bảng ghi nhớ ngày 09/8/2017 có đóng dấu treo của bị đơn Công ty TNHH May X được hai bên xác định là bảng đối chiếu công nợ thì số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 259.492.939 đồng chỉ xác nhận nợ đến ngày 31/7/2017, cùng ngày 09/8/2017 nguyên đơn đã có văn bản gửi bị đơn với nội dung tạm dừng tài khoản ghi nợ, các tài khoản của bị đơn đã bị khóa. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi lời khai về số tiền bị đơn đã thanh toán là 75.877.751 đồng là mâu thuẫn với lời khai trong quá trình tố tụng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền thực tế bị đơn đã thanh toán, việc thay đổi này không phù hợp với nội dung trình bày của nguyên đơn trước đây. Đồng thời, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện việc bị đơn có sử dụng dịch vụ của nguyên đơn vào các ngày 09/8/2017, 16/8/2017 và 23/8/2017, nguyên đơn cũng xác định số tiền bị đơn còn nợ không bao gồm các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/8/2017, 16/8/2017 và 23/8/2017. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 169.522.939 đồng, không có cơ sở chấp nhận đối với số tiền 14.092.249 đồng theo các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/8/2017, 16/8/2017 và 23/8/2017.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 513, Điều 515 Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 74, 75, 78 và 85 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH chuyển phát nhanh D đối với bị đơn Công ty TNHH May X về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Buộc Công ty TNHH May X phải thanh toán cho Công ty TNHH chuyển phát nhanh D số tiền 169.522.939 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH chuyển phát nhanh D đối với bị đơn Công ty TNHH May X về việc buộc Công ty TNHH May X thanh toán cho Công ty TNHH chuyển phát nhanh D số tiền 14.092.249 đồng (Mười bốn triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng).

3. Về án phí:

Công ty TNHH May X phải chịu 8.476.147 đồng (Tám triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH chuyển phát nhanh D phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho Công ty TNHH chuyển phát nhanh D số tiền 3.241.896 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0047386 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh